

Số: 247/2021/QĐST-HNGĐ

M, ngày 06 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 230/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Đội 4, thôn T, xã Đ, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Chị **Tạ Thị T1**, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Đội 4, thôn T, xã Đ, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Tạ Thị T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn T và chị Tạ Thị T1 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01, ngày 08/12/1998 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Hà Tây (Nay là Thành phố Hà Nội) cấp cho anh Nguyễn Văn T và chị Tạ Thị T1 không còn giá trị pháp lý.

2.2. *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn T và chị Tạ Thị T1 đều xác nhận có 03 con chung là cháu Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 18/8/1999; cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 08/10/2005 và cháu Nguyễn Ngọc M1, sinh ngày 04/9/2012. Cháu T2 đã trưởng thành, tự lập, có sức khỏe tốt nên các bên không có yêu cầu, đề nghị. Sau ly hôn giao các cháu B và M cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Tạ Thị T1 số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng/cháu, kể từ ngày 06/12/2021 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự đều xác nhận đã tự thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T và chị Tạ Thị T1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T chịu cả phần án phí thay cho chị T1 nên anh T phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí anh T phải nộp là 300.000 đồng, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 38708 ngày 18/11/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hương